TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG. H
TỈNH K. T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2019/QĐST- HNGĐ

Ng. H, ngày 16 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019. Giữa:

Nguyên đơn: Anh A Th - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B. Ng, xã S. L, huyện Ng. H, tỉnh K. T

Bị đơn: Chị Y. R - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P. K, huyện Ng. H, tỉnh K.T

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh A. Th - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B. Ng, xã S.L, huyện Ng. H, tỉnh K. T.

Chị Y. R - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn P.i K, huyện Ng. H, tỉnh K. T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Y. R và anh A .Th, thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung. Anh A. Th. và chị Y.R thỏa thuận.

Anh A. Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con A Đức Th, sinh ngày 18/9/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được. Chị Y. R không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con. Không ai được ngăn cản hoặc cấm đoán quyền này. Không được lạm dụng khi thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh A .Th nhận chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000408 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng. H, tỉnh K. T. Hoàn trả lại cho anh A. Th 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Ng. H;
- Các đương sự;
- UBND xã S. L Ng. H;
- THA dân sự huyện Ng.H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Quách Văn N